

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0500313811 ngày 10 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 9 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 : 79.968.970.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại : 04 33 545 735

Fax : 04 33 542 280

Mã số thuế : 0500313811

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sông Đà 11.5	Phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
Chi nhánh Sông Đà 11.7	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Sông Đà 11.9	Xã Hồ Bồn, Mù Căng Chải, Yên Bái
Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị; Quản lý vận hành kinh doanh bán điện;
- Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV; Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; Xây lắp kết cấu công trình;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện - điện tử và tự động hóa;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai, bia hộp);
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; Xây dựng các nhà máy thủy điện, sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;
- Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, chiếu sáng, thông gió, điều hòa, thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 42).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 24 tháng 6 năm 2013 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ về phương án:

- Thực hiện thoái toàn bộ 100% vốn góp của Công ty tại Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà, Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà, Công ty Tài chính CP Sông Đà, Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7, Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II, Công ty CP Sông Đà – Hà Nội.
- Thực hiện sáp nhập Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2010	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên	21 tháng 4 năm 2010	
Ông Trần Văn Ngự	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Phạm Lạp	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Phương	Trưởng ban	24 tháng 6 năm 2013	
Ông Đặng Anh Vinh	Trưởng ban	21 tháng 4 năm 2010	24 tháng 6 năm 2013
Ông Đặng Xuân Thư	Thành viên	21 tháng 4 năm 2010	
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 4 năm 2010	
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	24 tháng 11 năm 2011	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 3 năm 2006	
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 8 năm 2010	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

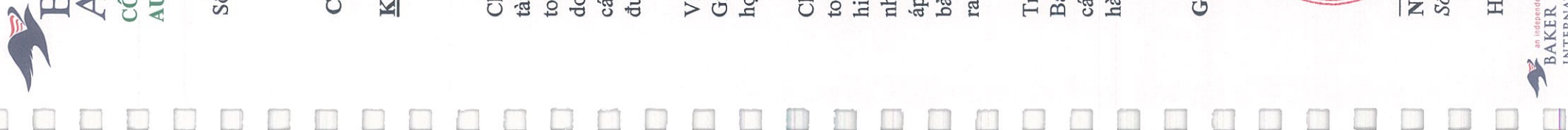
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

Ngày 14 tháng 8 năm 2013



Số: 318/2013/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TẠI
CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013, từ trang 6 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNDĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Viêt

Số Giấy CNDĐKHN kiểm toán: 0374-2013-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN			Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN						
I. Tiền và các khoản tương đương tiền						
1.	Tiền		110	V.1	22.724.076.066	29.049.843.306
2.	Các khoản tương đương tiền		111		22.724.076.066	29.049.843.306
			112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn						
1.	Đầu tư ngắn hạn		120		18.672.000.000	18.672.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		121	V.2	19.452.000.000	19.452.000.000
			129	V.3	(780.000.000)	(780.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
1.	Phải thu khách hàng		130		241.752.061.919	233.982.515.136
2.	Trả trước cho người bán		131	V.4	224.435.532.517	199.459.643.456
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn		132	V.5	11.466.765.559	25.089.061.075
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		133		-	-
5.	Các khoản phải thu khác		134		-	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		135	V.6	6.572.319.500	10.156.366.262
			139	V.7	(722.555.657)	(722.555.657)
IV. Hàng tồn kho						
1.	Hàng tồn kho		140		114.978.772.796	74.149.463.488
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		141	V.8	114.978.772.796	74.149.463.488
			149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác						
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		150		15.849.187.892	10.097.010.023
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		151	V.9	1.650.683.867	85.319.583
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		152		1.534.083.883	317.862.350
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác		157		-	-
			158	V.10	12.664.420.142	9.693.828.090



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		184.914.214.425		185.613.502.015	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.349.604.246		8.833.427.162	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	14.349.604.246		8.833.427.162	
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-		-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-		-	
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-		-	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-		-	
II. Tài sản cố định	220		112.918.804.133		118.140.874.767	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	108.385.003.982		113.664.994.476	
<i>Nguyên giá</i>	222		167.071.695.702		168.744.549.325	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58.686.691.720)		(55.079.554.849)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-		-	
<i>Nguyên giá</i>	225	-	-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	-	-		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	288.245.143		374.718.661	
<i>Nguyên giá</i>	228		1.729.470.426		1.729.470.426	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.441.225.283)		(1.354.751.765)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	4.245.555.008		4.101.161.630	
III. Bất động sản đầu tư	240		-		-	
<i>Nguyên giá</i>	241	-	-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242	-	-		-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		56.756.273.480		57.568.273.480	
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	36.431.773.480		36.431.773.480	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	21.799.956.640		21.599.956.640	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-		-	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(1.475.456.640)		(463.456.640)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		889.532.566		1.070.926.606	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	889.532.566		1.065.426.606	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-		-	
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-		5.500.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		598.890.313.098		551.564.333.968	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		424.826.637.249	373.910.322.309
I. Nợ ngắn hạn		310		361.932.198.887	318.130.398.746
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	78.376.928.085	73.124.102.947
2.	Phải trả người bán	312	V.20	129.551.526.521	112.459.213.420
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.21	43.684.542.921	37.868.839.893
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	22.789.749.142	18.905.536.620
5.	Phải trả người lao động	315		21.721.608.366	23.480.058.975
6.	Chi phí phải trả	316	V.23	19.744.460.162	22.952.093.374
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	44.315.946.885	28.290.405.493
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	1.747.436.805	1.050.148.024
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		62.894.438.362	55.779.923.563
1.	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	29.998.178.759	22.641.663.960
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.27	2.258.000.000	2.500.000.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.28	30.436.009.603	30.436.009.603
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.29	202.250.000	202.250.000
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		174.063.675.849	177.654.011.659
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.30	174.063.675.849	177.654.011.659
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		79.968.970.000	79.968.970.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		30.746.580.408	30.746.580.408
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(128.058.585)	(128.058.585)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		48.346.637.375	41.999.284.819
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.713.573.180	4.694.959.399
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.415.973.471	20.372.275.618
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		598.890.313.098	551.564.333.968

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		V.31		8.092.639.768	
1. Tài sản thuế ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)			104.897,44		-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngu

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

		Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	236.221.120.229	268.763.004.908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.1	236.221.120.229	268.763.004.908
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.2	202.997.660.448	236.811.378.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	33.223.459.781	31.951.626.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	1.276.003.365	2.696.989.071
7. Chi phí tài chính	22 VI.4	8.537.692.023	11.462.861.301
Trong đó: chi phí lãi vay	23	6.623.499.493	9.021.327.887
8. Chi phí bán hàng	24	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.5	15.845.392.186	15.685.300.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	10.116.378.937	7.500.452.977
11. Thu nhập khác	31 VI.6	797.721.743	1.791.033.075
12. Chi phí khác	32 VI.7	287.716.668	1.141.399.858
13. Lợi nhuận khác	40	510.005.075	649.633.217
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	10.626.384.012	8.150.086.194
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.210.410.541	244.852.420
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	9.415.973.471	7.905.233.774

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Mã Thuyết số minh	CHỈ TIÊU	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	10.626.384.012	8.150.086.194
1. Lợi nhuận trước thuế		
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
02	5.590.556.056	5.203.461.018
03	1.012.000.000	8.738.879
04	(1.501.389)	-
05	(727.272.727)	(9.339.364)
06	6.623.499.493	9.021.327.887
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		
08	23.123.665.445	22.374.274.614
09	(20.266.137.452)	(38.308.494.908)
10	(40.829.309.308)	24.762.703.158
11	32.463.645.974	(10.095.134.684)
12	(1.389.470.244)	669.614.927
13	(6.667.665.195)	(9.021.327.887)
14	(319.962.298)	(159.096.008)
15	5.500.000	1.550.000.000
16	(563.325.000)	(324.470.000)
20	(14.443.058.078)	(8.551.930.788)

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(488.075.196)	(857.000.300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	727.272.727	1.009.124.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(200.000.000)	(500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.793.600.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.832.797.531	1.852.124.064

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã Thuyết số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		60.721.333.205	81.905.220.095
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(55.468.508.067)	(79.239.352.745)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.252.825.138	2.665.867.350
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.357.435.409)	(4.033.939.374)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	29.049.843.306	21.847.814.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		31.668.169	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22.724.076.066	17.813.875.338

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2013



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, xây dựng
3. Ngành nghề kinh doanh :
- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
 - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
 - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
 - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
 - Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
 - Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 992 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.115 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 24 tháng 6 năm 2013 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ về phương án:

- Thực hiện thoái toàn bộ 100% vốn góp của Công ty tại Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà, Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà, Công ty Tài chính CP Sông Đà, Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7, Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II, Công ty CP Sông Đà – Hà Nội.
- Thực hiện sáp nhập Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định cho từng công trình như sau:

- Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	=	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	+ kinh doanh phát sinh trong kỳ	- Chi phí sản xuất kinh doanh phát - trong kỳ	Giá vốn hàng bán
---	---	--	---------------------------------	---	------------------

Trong đó:

Giá vốn hàng bán trong kỳ	=	Giá thành nội bộ	x	Doanh thu ghi nhận trong kỳ
		Tổng doanh thu		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các công trình khác:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	=	Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ	Thu nhập chịu thuế tính trước	Các khoản phụ phí (nếu có)	Chi phí quản lý ước tính	Lãi vay - ước tính (nếu có)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.						

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Số năm

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phủ khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Sông Đà 11.7 trước khi Công ty chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động khai thác đá.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2013 : 21.130 VND/USD

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì: Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo đối số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	997.547.763	493.586.156
Tiền gửi ngân hàng	21.726.528.303	28.556.257.150
Cộng	22.724.076.066	29.049.843.306

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số lượng	Số cuối kỳ	Giá trị	Số lượng	Số đầu năm	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác						
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.000.000	1.000.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà	595.200	5.952.000.000	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000	5.952.000.000
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	150.000	1.500.000.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng		19.452.000.000			19.452.000.000	

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng đầu tư ngắn hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(780.000.000)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(780.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(780.000.000)	(780.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về khối lượng xây lắp	205.734.304.232	183.288.427.708
Phải thu về cung cấp điện, nước	3.088.910.165	4.292.856.063
Phải thu tiền bán thành phẩm	8.839.615.570	6.065.425.737
Phải thu tiền khác	6.772.702.550	5.812.933.948
Cộng	224.435.532.517	199.459.643.456

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về khối lượng xây lắp	7.201.107.910	22.539.739.668
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	3.898.478.074	1.273.216.960
Trả trước cho nhà cung cấp điện	-	2.000.000
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	367.179.575	1.274.104.447
Cộng	11.466.765.559	25.089.061.075

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của CBCNV	1.164.282.668	686.485.960
Phải thu các đội công trình	3.111.325.488	3.109.237.829
Tiền cổ tức phải thu	-	2.793.600.000
BĐH DA thủy điện Hòa Na	328.642.333	1.117.515.001
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	158.503.664	158.503.664
Tiền tạm ứng phải thu các CBCNV đã nghỉ việc	208.094.908	208.094.908
Phải thu tiền nhượng bán vật tư	228.696.920	12.480.000
Phải thu tiền quỹ từ thiện, nhân đạo	165.888.522	-
Các khoản phải thu khác	1.206.884.997	2.070.448.900
Cộng	6.572.319.500	10.156.366.262

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(722.555.657)	(722.555.657)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(722.555.657)	(722.555.657)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	(722.555.657)	(722.555.657)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(722.555.657)	(589.669.303)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(195.681.142)
Hoàn nhập dự phòng	-	62.794.788
Số cuối kỳ	(722.555.657)	(722.555.657)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	597.843.200	133.318.329
Nguyên liệu, vật liệu	9.914.610.290	5.024.047.806
Công cụ, dụng cụ	453.359.353	741.948.744
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	102.976.651.605	67.213.840.261
Thành phẩm	1.036.308.348	1.036.308.348
Cộng	114.978.772.796	74.149.463.488

9. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	110.313.315	-
Chi phí thuê văn phòng	-	85.319.583
Chi phí thuê nhà xưởng	18.181.818	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.446.000.000	-
Chi phí TNHC và thuê truyền tải	76.188.734	-
Cộng	1.650.683.867	85.319.583

10. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	12.613.420.142	9.642.828.090
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	51.000.000	50.000.000
Cộng	12.664.420.142	9.693.828.090

11. Phải thu dài hạn của khách hàng	
Là khoản phải thu dài hạn về khối lượng xây lắp thực hiện.	

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	79.383.736.017	65.589.365.126	22.598.931.155	1.147.540.837	24.976.190	168.744.549.325
Tăng trong kỳ	-	343.681.818	-	-	-	343.681.818
Giảm trong kỳ	(773.945.579)	(490.993.744)	(187.860.923)	(563.735.195)	-	(2.016.535.441)
Thanh lý, nhượng bán	(273.598.126)	(338.853.888)	(187.860.923)	(542.955.195)	-	(1.343.268.132)
Giảm khác	(500.347.453)	(152.139.856)	-	(20.780.000)	-	(673.267.309)
Số cuối kỳ	78.609.790.438	65.442.053.200	22.411.070.232	583.805.642	24.976.190	167.071.695.702

Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.382.111.132	4.391.745.874	394.410.761	24.976.190	6.193.243.957

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hao mòn	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
Số đầu năm	16.833.698.977	22.305.559.784	14.995.294.460	920.025.438	24.976.190	55.079.554.849					
Tăng trong kỳ	1.593.651.012	2.616.299.442	1.213.170.524	80.961.560	-	5.504.082.538					
Giảm trong kỳ	(711.207.064)	(447.266.754)	(187.153.840)	(551.318.009)	-	(1.896.945.667)					
Thanh lý, nhượng bán	(210.859.611)	(295.126.898)	(187.153.840)	(530.538.009)	-	(1.223.678.358)					
Giảm khác	(500.347.453)	(152.139.856)	-	(20.780.000)	-	(673.267.309)					
Số cuối kỳ	17.716.142.925	24.474.592.472	16.021.311.144	449.668.989	24.976.190	58.686.691.720					

Giá trị còn lại

Số đầu năm	62.550.037.040	43.283.805.342	7.603.636.695	227.515.399	-	113.664.994.476
Số cuối kỳ	60.893.647.513	40.967.460.728	6.389.759.088	134.136.653	-	108.385.003.982

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 83.017.105.614 VND và 58.532.729.481 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Giá trị lợi thế kinh doanh	Giá trị thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	729.470.426	1.000.000.000	1.729.470.426

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	571.418.422	783.333.343	1.354.751.765
Tăng trong năm	36.473.520	49.999.998	86.473.518
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	607.891.942	833.333.341	1.441.225.283

Giá trị còn lại

Số đầu năm	158.052.004	216.666.657	374.718.661
Số cuối năm	121.578.484	166.666.659	288.245.143

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	149.657.135	153.000.000	153.000.000	149.657.135
XDCB dở dang	3.794.637.286	65.793.149	-	3.860.430.435
Dự án Khu đô thị Nhơn Trạch Đồng Nai	2.204.468.991	-	-	2.204.468.991
Dự án Khu dân cư Hòa Bình	1.590.168.295	65.793.149	-	1.655.961.444
Sửa chữa lớn TSCĐ	156.867.209	78.600.229	-	235.467.438
Cộng	4.101.161.630	297.393.378	153.000.000	4.245.555.008

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long ^(a)	1.800.000	18.581.773.480	1.800.000	18.581.773.480
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 ^(b)	1.785.000	17.850.000.000	1.785.000	17.850.000.000
Cộng		36.431.773.480		36.431.773.480

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0500589591 ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long 15.500.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ. Năm 2011, Công ty đầu tư thêm 250.000 cổ phiếu với giá mua là 3.081.773.480 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 1.800.000 cổ phiếu, tương đương 36,00% vốn điều lệ.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long với tỷ lệ cổ phần sở hữu là 36% nhưng vẫn được trình bày ở khoản mục Đầu tư vào công ty con do Công ty có quyền biểu quyết đa số (3/5) trong các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty con.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600974553 ngày 29 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 là 17.850.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà ^(a)	632.500	5.649.956.640	632.500	5.649.956.640
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường ^(b)	770.000	8.950.000.000	750.000	8.750.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà ^(c)	828.000	7.200.000.000	828.000	7.200.000.000
Cộng		21.799.956.640		21.599.956.640

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Năm 2011, Công ty đã mua thêm 52.500 cổ phiếu với giá mua là 639.956.640 VND và nhận 80.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nắm giữ 632.500 cổ phiếu, tương đương 36,12% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 06 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường 15.000.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đầu tư thêm 200.000.000 VND tương đương với 20.000 CP. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 770.000 cổ phiếu, tương đương 12,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường (số đầu năm là 750.000 cổ phiếu, tương đương 12,5% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 7.300.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(463.456.640)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.012.000.000)	(463.456.640)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(1.475.456.640)	(463.456.640)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	81.699.335	110.484.180	122.423.674	69.759.841
Chi phí bóc phù	983.727.271	-	163.954.546	819.772.725
Cộng	1.065.426.606	110.484.180	286.378.220	889.532.566

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	73.143.928.085	61.673.943.690
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	37.152.457.977	33.517.766.523
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đông Đô	1.134.305.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Láng Hạ	-	8.308.395.590
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Quang Trung	34.857.165.108	19.847.781.577
Vay dài hạn đến hạn trả	5.233.000.000	11.450.159.257
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên	4.415.000.000	8.830.000.000
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đông Đô	818.000.000	1.636.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Quang Trung	-	984.159.257
Cộng	78.376.928.085	73.124.102.947

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	61.673.943.690	60.721.333.205	49.251.348.810	73.143.928.085
Vay dài hạn đến hạn trả	11.450.159.257	-	6.217.159.257	5.233.000.000
Cộng	73.124.102.947	60.721.333.205	55.468.508.067	78.376.928.085

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CCDC	26.597.166.121	27.770.701.192
Phải trả nhà cung cấp điện	297.574.451	2.794.342.719
Phải trả nhà thầu xây lắp	101.962.883.282	78.791.328.139
Phải trả nhà cung cấp khác	693.902.667	3.102.841.370
Cộng	129.551.526.521	112.459.213.420

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	43.256.811.117	37.561.289.895
Các khoản người mua trả tiền trước khác	427.731.804	307.549.998
Cộng	43.684.542.921	37.868.839.893

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	16.400.872.460	6.624.420.510	5.566.724.376	17.458.568.594
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.147.761.310	1.210.410.541	319.962.298	2.038.209.553
Thuế thu nhập cá nhân	214.107.243	368.954.367	59.752.102	523.309.508
Thuế tài nguyên	809.543.955	495.789.927	200.000.000	1.105.333.882
Tiền thuế đất	62.150.760	136.525.760	74.375.000	124.301.520
Phí bảo vệ môi trường	40.619.168	251.793.591	75.291.989	217.120.770
Các loại thuế khác	108.654.445	8.063.723	5.000.000	111.718.168
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	121.827.279	1.094.359.868	5.000.000	1.211.187.147
Cộng	18.905.536.620	10.190.318.287	6.306.105.765	22.789.749.142

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty đang áp dụng mức thuế suất ưu đãi và thời gian miễn giảm thuế theo nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp” với thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động,

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.626.384.012	8.150.086.194
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	296.682.684	220.867.874
- Các khoản điều chỉnh tăng	309.336.663	220.867.874
<i>Tiền phạt thuế, BHXH</i>	261.336.663	140.867.874
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	48.000.000	80.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(12.653.979)	-
<i>Chi phí khác</i>	(12.653.979)	-
Thu nhập chịu thuế	10.923.066.696	8.370.954.068
Thu nhập được miễn thuế	-	7.391.544.387
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	10.923.066.696	979.409.681
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	2.730.766.674	244.852.420
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	1.140.267.099	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	(380.089.034)	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	1.210.410.541	244.852.420
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.210.410.541	244.852.420

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí các công trình	16.022.562.012	22.435.728.247
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	2.233.388.453	160.871.549
Phải trả tiền thuê văn phòng, thuê xe, thuê đất	104.636.364	163.454.543
Chi phí lãi vay phải trả	147.873.333	192.039.035
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	1.236.000.000	-
Cộng	19.744.460.162	22.952.093.374

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.026.928.320	1.395.069.430
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	3.548.020.468	2.950.166.181
Phải trả các đội tiền khoán công trình	20.698.345.742	20.534.659.717
Nhân ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	353.426.162	409.976.807
Cổ tức phải trả các cổ đông	12.039.771.673	52.076.173
Tiền đặt cọc chế tạo vỏ máy	2.110.675.700	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.516.278.820	925.957.185
Cộng	44.315.946.885	28.290.405.493

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	180.169.280	-	59.000.000	121.169.280
Quỹ phúc lợi	869.978.744	1.018.613.781	262.325.000	1.626.267.525
Cộng	1.050.148.024	1.018.613.781	321.325.000	1.747.436.805

26. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả dài hạn về khối lượng xây lắp hoàn thành.

27. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.258.000.000	1.500.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	2.258.000.000	2.500.000.000

28. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	22.086.546.906	22.086.546.906

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

19.512.123.867

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.

2.574.423.039

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	8.349.462.697	8.349.462.697
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2012/HĐTD, vay mua xe ô tô phục vụ quản lý điều hành.	469.600.000	469.600.000
Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sản tăng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.	7.879.862.697	7.879.862.697
Cộng	30.436.009.603	30.436.009.603

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	5.233.000.000	11.450.159.257
Trên 1 năm đến 5 năm	27.861.586.564	27.861.586.564
Trên 5 năm	2.574.423.039	2.574.423.039
Tổng nợ	35.669.009.603	41.886.168.860

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn ngân hàng như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	30.436.009.603	42.600.285.603
Tăng khác ^(*)	-	11.212.462.697
Số tiền vay đã trả	-	(1.643.976.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(10.520.300.000)
Giảm khác ^(*)	-	(11.212.462.697)
Số cuối kỳ	30.436.009.603	30.436.009.603

^(*) Chuyển khoản vay dài hạn từ Công ty CP Tài chính Sông Đà sang vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đông Đô.

29. Doanh thu chưa thực hiện

Là phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH TÔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
170.140.462.902	79.968.970.000	30.746.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	17.284.377.216	177.654.011.659
20.372.275.618	-	-	-	-	-	20.372.275.618	20.372.275.618
-	Lợi nhuận trong năm trước	-	-	3.562.268.994	863.381.361	(4.425.650.355)	-
-	Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(11.995.345.500)	(11.995.345.500)
-	Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(863.381.361)	(863.381.361)
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	20.372.275.618	20.372.275.618
79.968.970.000	Số đầu năm trước	30.746.580.408	(128.058.585)	38.437.015.825	3.831.578.038	17.284.377.216	170.140.462.902
30.746.580.408	Số dư đầu năm nay	30.746.580.408	(128.058.585)	41.999.284.819	4.694.959.399	20.372.275.618	177.654.011.659
-	Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	9.415.973.471	9.415.973.471
-	Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	6.347.352.556	1.018.613.781	(7.365.966.337)	-
-	Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	(11.987.695.500)	(11.987.695.500)
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.018.613.781)	(1.018.613.781)
79.968.970.000	Số dư cuối kỳ này	30.746.580.408	(128.058.585)	48.346.637.375	5.713.573.180	9.415.973.471	174.063.675.849

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Số cuối kỳ	Số đầu năm
29.680.000.000	29.680.000.000
50.288.970.000	50.288.970.000
30.746.580.408	30.746.580.408
(128.058.585)	(128.058.585)
110.587.491.823	110.587.491.823

Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)
 Vốn góp của các cổ đông, thành viên
 Thặng dư vốn cổ phần
 Cổ phiếu quỹ
 Cộng

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	-	11.995.345.500
Cộng	-	11.995.345.500

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.996.897	7.996.897
- Cổ phiếu phổ thông	7.996.897	7.996.897
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.100	5.100
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.991.797	7.991.797
- Cổ phiếu phổ thông	7.991.797	7.991.797
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

31. Nợ khó đòi đã xử lý

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	8.092.639.768	8.092.639.768
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối kỳ	8.092.639.768	8.092.639.768

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	236.221.120.229	268.763.004.908
Doanh thu điện thương phẩm	14.578.620.864	13.985.647.106
Doanh thu hoạt động xây dựng	199.317.187.916	213.200.909.006
Doanh thu hoạt động khác	22.325.311.449	41.576.448.796
Doanh thu thuần	236.221.120.229	268.763.004.908

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	7.700.177.677	3.205.507.029
Giá vốn của hoạt động xây dựng	180.531.193.304	201.176.249.515
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	14.766.289.467	32.429.622.202
Cộng	202.997.660.448	236.811.378.746

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	136.973.588	206.503.684
Doanh thu phí bảo lãnh	646.358.166	2.490.485.387
Lãi thu của các đối	491.170.222	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.501.389	-
Cộng	1.276.003.365	2.696.989.071

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.623.499.493	9.021.327.887
Phí bảo lãnh	875.141.188	2.238.403.414
Phí ủy thác đầu tư	-	200.000.000
Phí cam kết tín dụng	27.050.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.012.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.342	3.130.000
Cộng	8.537.692.023	11.462.861.301

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.684.255.256	9.892.756.093
Chi phí vật liệu quản lý	1.135.110.974	1.194.996.045
Chi phí đồ dùng văn phòng	236.363.706	484.042.753
Chi phí khấu hao TSCĐ	945.570.898	895.039.745
Thuế, phí và lệ phí	241.906.479	222.689.303
Chi phí dự phòng	-	8.738.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.533.996.907	1.109.732.679
Chi phí bằng tiền khác	2.068.187.966	1.877.305.458
Cộng	15.845.392.186	15.685.300.955

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	727.272.727
Các khoản nợ không xác định được chủ	21.377.366
Thu nhập khác	49.071.650
Cộng	797.721.743

7. Chi phí khác

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, Thanh lý	-
Các khoản tiền phạt thuế, BHXH	261.336.663
Thuế GTGT không được khấu trừ	26.379.902
Chi phí khác	103
Cộng	287.716.668

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
Tiền lương	680.110.529
Phụ cấp	192.000.000
Cộng	872.110.529

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	17.741.505.638	5.141.299.432
Giao dịch mua hàng	9.737.581.522	4.727.849.777
Giá trị xây lắp hoàn thành	8.845.081.744	4.298.045.252
Thuế GTGT	892.499.778	429.804.525
Giao dịch bán hàng	38.319.452	413.449.655
Cung cấp vật tư		9.986.951
Thuế GTGT		998.695
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	38.319.452	402.464.009
Giao dịch khác	7.965.604.664	
Thanh toán tiền khối lượng xây lắp	7.965.604.664	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	39.919.592.900	47.027.989.950
Giao dịch mua hàng	26.288.010.835	45.559.537.941
Giá trị xây lắp hoàn thành	23.898.191.668	41.417.761.765
Thuế GTGT	2.389.819.167	4.141.776.176
Giao dịch bán hàng	389.263.062	1.468.452.009
Cung cấp vật tư	134.715.040	846.578.976
Thuế GTGT	13.471.504	84.657.898
Thu phí bảo hiểm thực hiện công trình	241.076.518	537.251.135
Giao dịch khác	13.242.319.003	
Thanh toán tiền khối lượng xây lắp	13.242.319.003	
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	2.451.952.839	1.598.179.738
Giao dịch mua hàng	2.291.110.259	1.483.885.037
Giá trị xây lắp hoàn thành	2.082.827.508	1.348.986.397
Thuế GTGT	208.282.751	134.898.640
Giao dịch bán hàng	160.842.580	114.294.701
Cung cấp vật tư	127.699.891	97.323.681
Thuế GTGT	12.769.989	9.732.368
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	20.372.700	7.238.652
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	200.000.000	500.000.000
Góp vốn điều lệ	200.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	29.310.223.553	18.220.759.294
Giao dịch mua hàng	28.985.366.885	17.696.071.900
Giá trị xây lắp hoàn thành	26.350.333.532	16.087.338.091
Thuế GTGT	2.635.033.353	1.608.733.809
Giao dịch bán hàng	324.856.668	524.687.394
Cung cấp vật tư	174.044.531	99.034.181
Thuế GTGT	17.404.453	9.903.418
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	133.407.684	415.749.795



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà	364.235.777	364.235.777
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	-	2.446.692.838
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	-	636.704.838
Phải thu về khối lượng công trình xây dựng	-	9.988.000
Phải thu tiền cổ tức	-	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	228.473.957	825.523.427
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	228.473.957	825.523.427
Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà	4.308.139.697	13.085.301.799
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	4.308.139.697	13.085.301.799
Cộng nợ phải thu	4.900.849.431	19.159.707.766
Tổng Công ty Sông Đà	85.086.762	1.903.853
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853	1.903.853
Phải trả về cung cấp dịch vụ	83.182.909	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	15.617.399.204	14.722.162.637
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	15.617.399.204	14.722.162.637
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	21.703.005.644	9.997.127.088
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	21.703.005.644	9.997.127.088
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	26.637.712.518	27.180.868.199
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	26.637.712.518	27.180.868.199
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	682.621.449	3.240.221.381
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	682.621.449	3.240.221.381
Cộng nợ phải trả	64.725.825.577	57.580.237.083

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác
- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	199.317.187.916	36.903.932.313	236.221.120.229
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.317.187.916	36.903.932.313	236.221.120.229
Chi phí bộ phận	180.531.193.304	22.466.467.144	202.997.660.448
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.785.994.612	14.437.465.169	33.223.459.781
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(15.845.392.186)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			17.378.067.595
Doanh thu hoạt động tài chính			1.276.003.365
Chi phí tài chính			(8.537.692.023)
Thu nhập khác			797.721.743
Chi phí khác			(287.716.668)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.210.410.541)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			9.415.973.471
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	751.559.376
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	5.876.934.276
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	213.200.909.006	55.562.095.902	268.763.004.908
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	213.200.909.006	55.562.095.902	268.763.004.908
Chi phí bộ phận	201.176.249.515	35.635.129.231	236.811.378.746
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.024.659.491	19.926.966.671	31.951.626.162
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(15.685.300.955)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			16.266.325.207
Doanh thu hoạt động tài chính			2.696.989.071
Chi phí tài chính			(11.462.861.301)
Thu nhập khác			1.791.033.075
Chi phí khác			(1.141.399.858)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(244.852.420)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			7.905.233.774
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			857.000.300
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	8.162.254.126
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	333.372.993.481	43.628.500.900	377.001.494.381
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			221.888.818.717
Tổng tài sản			598.890.313.098
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	211.938.780.912	27.615.695.577	239.554.476.489
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			185.272.160.760
Tổng nợ phải trả			424.826.637.249
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	286.168.290.862	21.363.304.319	307.531.595.181
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			244.032.738.787
Tổng tài sản			551.564.333.968
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	191.995.054.152	3.926.756.495	195.921.810.647
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			177.988.511.662
Tổng nợ phải trả			373.910.322.309

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong kỳ Công ty giảm thời gian khấu hao loại máy móc thiết bị bằng tải rải bê tông từ 8 năm xuống 6 năm và tăng/giảm thời gian khấu hao phương tiện vận tải là các loại xe ô tô trộn bê tông từ 6 năm lên 8 năm và từ 10 năm xuống 8 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao kỳ này giảm 49.835.998 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối kỳ	Chưa quá hạn		Chưa quá hạn		Đã quá hạn	
	hay chưa bị giảm giá	giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.724.076.066	-	-	-	-	22.724.076.066
Phải thu khách hàng	238.062.581.106	-	-	-	722.555.657	238.785.136.763
Các khoản phải thu khác	6.623.319.500	-	-	-	-	6.623.319.500
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.952.000.000	1.500.000.000	-	-	-	19.452.000.000
Cộng	285.361.976.672	1.500.000.000	-	-	722.555.657	287.584.532.329
Số đầu năm						
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.049.843.306	-	-	-	-	29.049.843.306
Phải thu khách hàng	207.570.514.961	-	-	-	722.555.657	208.293.070.618
Các khoản phải thu khác	10.212.866.262	-	-	-	-	10.212.866.262
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.952.000.000	1.500.000.000	-	-	-	19.452.000.000
Cộng	264.785.224.529	1.500.000.000	-	-	722.555.657	267.007.780.186

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn và bị giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn trên 3 năm	722.555.657	722.555.657
Cộng	722.555.657	722.555.657

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.
Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	78.376.928.085	27.861.586.564	2.574.423.039	108.812.937.688
Phải trả người bán	129.551.526.521	29.998.178.759	-	159.549.705.280
Các khoản phải trả khác	59.485.458.259	2.258.000.000	-	61.743.458.259
Cộng	267.413.912.865	60.117.765.323	2.574.423.039	330.106.101.227

Số đầu năm

Vay và nợ	73.124.102.947	27.861.586.564	2.574.423.039	103.560.112.550
Phải trả người bán	112.459.213.420	22.641.663.960	-	135.100.877.380
Các khoản phải trả khác	46.897.263.256	2.500.000.000	-	49.397.263.256
Cộng	232.480.579.623	53.003.250.524	2.574.423.039	288.058.253.186

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.
Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.
Rủi ro ngoại tệ
Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.897,44	-
Các khoản phải trả khác	(99.890,00)	-
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	5.007,44	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tỷ giá hối đoái tại thời điểm lập báo cáo tài chính biến động không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	(108.812.937.688)	(103.560.112.550)
Nợ phải trả thuần	(108.812.937.688)	(103.560.112.550)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.632.194.065 VND (năm trước giảm/tăng 1.553.401.688 VND).

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối kỳ		Giá trị ghi sổ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.724.076.066	-	29.049.843.306	-	22.724.076.066	-	22.724.076.066	29.049.843.306
Phải thu khách hàng	238.785.136.763	(722.555.657)	208.293.070.618	(722.555.657)	238.062.581.106	207.570.514.961		
Các khoản phải thu khác	6.623.319.500	-	10.212.866.262	-	6.623.319.500	10.212.866.262		
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	19.452.000.000	(780.000.000)	19.452.000.000	(780.000.000)	18.672.000.000	18.672.000.000		
Cộng	287.584.532.329	(1.502.555.657)	267.007.780.186	(1.502.555.657)	286.081.976.672	265.505.224.529		

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	108.812.937.688	103.560.112.550	108.812.937.688	103.560.112.550
Phải trả người bán	159.549.705.280	135.100.877.380	159.549.705.280	135.100.877.380
Các khoản phải trả khác	61.743.458.259	49.397.263.256	61.743.458.259	49.397.263.256
Cộng	330.106.101.227	288.058.253.186	330.106.101.227	288.058.253.186

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn thương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của phải thu khách hàng, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn thương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Km 10 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

